

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 28/02/2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lò Thị Ánh Ngọc

Bà Nguyễn Thị Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tuấn Ngọc, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên;

Ngày 28 tháng 02 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2024/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2025 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2025/QĐXXST- HNGĐ, ngày 11 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lò Thị T – Sinh năm 1993. (Có mặt)

Nơi cư trú: Đội 2, bản L, xã S, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

- Bị đơn: Anh Lò Văn V – Sinh năm 1988. (Vắng mặt có lý do)

NĐKHKT: Đội 2, bản L, xã S, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Hiện đang chấp hành án tại: Đội 29, Phân trại số 1 thuộc Trại giam S – Địa chỉ: thị trấn T, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/12/2024 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lò Thị T trình bày:

1. Về hôn nhân: Tôi và anh Lò Văn V đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện Đ, tỉnh Điện Biên vào ngày 20/5/2013. Chúng tôi chung sống và kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp không có tiếng nói chung, anh V thường xuyên chơi bời, chị T khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh V không nghe. Đến ngày 11/01/2016 anh V bị bắt và bị Tòa án xét xử 20 năm tù về tội Vận chuyển trái phép chất ma túy. Hiện anh V đang đi chấp hành án tại Đội số 29,

K1 thuộc Trại giam S – Địa chỉ: thị trấn T, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lò Văn V.

Về con chung: Anh chị 01 con chung là cháu Lò Huy V1 sinh ngày 15/11/2013. Chị T xin được nuôi dưỡng, chăm sóc con chung cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Việc cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản và công nợ:

Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 06/01/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án anh Lò Văn V trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và cô Lò Thị T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc vào năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bản thân tôi bị bắt về hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy. Tôi đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với cô Lò Thị T.

Về con chung: Chúng tôi có một con chung là Lò Huy V1 sinh ngày 15/11/2013. Khi ly hôn tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu V1 thông qua bố mẹ đẻ tôi (do hiện nay tôi đang đi chấp hành án) và việc này tôi đã thỏa thuận trước đó với cô T và được cô T đồng ý cho bố mẹ tôi nuôi.

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Anh V có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án. Hiện anh V đang đi chấp hành án tại Trại giam S – Cục C – Bộ C1.

Tại bản tự khai ngày 21/01/2025 của cháu Lò Huy V1: Cháu V1 xin được ở với mẹ.

Tại đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân có xác nhận của trưởng bản L, xã S, huyện Đ và UBND xã S, huyện Đ, tỉnh Điện Biên ngày 21/01/2025 có nội dung: Anh V và chị T đi đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện Đ, tỉnh Điện Biên vào ngày 20/5/2013. Anh chị kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do không có tiếng nói chung, anh V thường xuyên chơi bời. Đến ngày 11/01/2016 anh V bị công an bắt và bị Tòa án xét xử 20 năm tù về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”. Hiện anh V đang chấp hành án tại đội số 29, K1 thuộc Trại giam S có địa chỉ tại thị trấn T, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa.

Về con chung: Quá trình sống chung anh chị có 01 con chung là cháu Lò Huy V1 sinh ngày 15/11/2013. Hiện cháu V1 đang ở tại bản L, xã S, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Chị T đang là lao động tự do có thu nhập 6.500.000 đồng/tháng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, do anh V đang đi chấp hành án tại Trại giam S. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Điện Biên đã làm Công văn gửi cho Trại giam S để cán bộ Trại giam tiến hành tổng đạt các văn bản của Tòa án theo đúng

quy định của pháp luật. Anh V đã nhận được các văn bản của Tòa án và không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 13/12/2024 chị T nộp đơn khởi kiện về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con tại Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên đối với anh Lò Văn V có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại bản L, xã S, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Hiện anh V2 đang đi chấp hành án tại: Đội số 29, phân trại số 1 thuộc Trại giam S – Địa chỉ: thị trấn T, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa.

Chị T có quyền yêu cầu giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi xem xét đơn khởi kiện và chị T đã nộp tiền tạm ứng án phí ngày 25/12/2024 nên Tòa án đã thụ lý vụ án vào ngày 25/12/2024 để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị T theo Điều 195 BLTTDS.

Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu Ly hôn giữa chị Lò Thị T và anh Lò Văn V thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Anh Lò Văn V có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Lò Thị T có mặt tại phiên tòa. Cho nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung.

[2.1] Xét về hôn nhân: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn V kết hôn trên cơ sở tự nguyện không ai bị mất năng lực hành vi dân sự, không bị ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện Đ, tỉnh Điện Biên vào ngày 20/5/2013, các bên đã đủ điều kiện kết hôn. Do vậy, hôn nhân giữa chị T và anh V là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp không có tiếng nói chung, anh V thường xuyên chơi bời. Thêm vào đó ngày 11/01/2016 anh V bị bắt và bị Tòa án xét xử 20 năm tù về tội Vận chuyển trái phép chất ma túy. Hiện anh V đang đi chấp hành án tại Trại giam S – địa chỉ: thôn T, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa và được Trại giam S xác nhận. Anh V cũng đã có bản tự khai thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, do anh V đang đi chấp hành án nên đồng ý ly hôn chị T. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định cuộc sống vợ chồng của chị T và anh V không còn hạnh phúc, có mâu thuẫn là đúng. Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân giữa chị T và anh V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, để giải phóng cho chị T thoát khỏi tình trạng

hiện tại khi mà cuộc sống hôn nhân không đem lại hạnh phúc cho chị, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị H, giải quyết cho ly hôn giữa chị H và anh V2.

[2.2] Xét về con chung: Chị T và anh V đều khai và công nhận vợ chồng có 01 con chung Lò Huy V1 sinh ngày 15/11/2013. Chị T xin được nuôi con còn anh V không nhất trí cho chị T nuôi con, anh V đề nghị Tòa án giao con cho bố mẹ đẻ của anh nuôi giúp anh trong lúc anh đang đi chấp hành án. Xét thấy anh V đang đi chấp hành án không có đủ điều kiện nuôi con và Tòa án chỉ có thể giao con chung cho bố hoặc mẹ, ngoài ra cháu V1 cũng có bản tự khai xin được ở với mẹ nên Hội đồng xét xử Căn cứ Điều 69 và Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận nguyện vọng của chị T và cháu V1. Hội đồng xét xử giao con chung Lò Huy V1 cho chị Lò Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Anh V có quyền đi lại thăm con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T và anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Xét về quan hệ tài sản: Về tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Chị T và anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Lò Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 69; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lò Thị T và anh Lò Văn V.

2. Về con chung: Giao con chung Lò Huy V1 sinh ngày 15/11/2013 cho chị Lò Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Vũ thành N hoặc khi có thay đổi khác.

Cấp dưỡng nuôi con: Chị T và anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về quan hệ tài sản:

Về tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lò Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí DSST chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000317 ngày 25/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND HDB;
- Các đương sự;
- UBND xã Sam Mưn, HDB, tỉnh DB;
- Chi cục THADS HDB;
- Lưu VP;
- Tòa án tỉnh DB;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Yên

